

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.001	201A010217	Lê Quốc	An	21/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.002	211A030098	Nguyễn Hoàng Duy	An	27/01/2002	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.01.003	201A320071	Nguyễn Hồng Diệu	An	12/9/2002	Quảng Bình		
4	VHU.TAB1.01.004	211A360008	Võ Văn	An	02/02/2003	Khánh Hòa		
5	VHU.TAB1.01.005	211A031264	Bùi Vũ Tuấn	Anh	20/04/2003	Lâm Đồng		
6	VHU.TAB1.01.006	211A270044	Đinh Ngọc Phương	Anh	08/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.007	211A010025	Lâm Thị Quỳnh	Anh	20/6/2003	Tây Ninh		
8	VHU.TAB1.01.008	211A030295	Lê Nguyễn Thị Trâm	Anh	27/08/2003	Cần Thơ		
9	VHU.TAB1.01.009	201A030151	Lê Quỳnh	Anh	25/12/2002	Ninh Bình		
10	VHU.TAB1.01.010	201A030611	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	09/09/2002	Tiền Giang		
11	VHU.TAB1.01.011	211A030847	Nguyễn Phạm Trúc	Anh	21/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.01.012	211A031527	Nguyễn Thị Tú	Anh	25/10/2003	Bình Phước		
13	VHU.TAB1.01.013	211A230001	Trần Hồng	Anh	27/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.014	211A030209	Trần Lý Vân	Anh	01/12/2003	Cà Mau		
15	VHU.TAB1.01.015	211A030526	Trần Ngọc Minh	Anh	12/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.01.016	211A030074	Trần Phạm Trung	Anh	30/04/2002	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.01.017	211A030148	Trần Thị Vân	Anh	17/01/2003	Nghệ An		
18	VHU.TAB1.01.018	201A240005	Trương Quế	Anh	16/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.019	201A040127	Võ Nguyễn Hoàng	Anh	17/09/2002	Tiền Giang		
20	VHU.TAB1.01.020	211A050265	Võ Phương	Anh	24/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.01.021	211A050305	Vũ Thị Hoàng	Anh	29/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.022	211A100129	Nguyễn Thị Ngọc	Ảnh	03/02/2003	Kiên Giang		
23	VHU.TAB1.01.023	211A230102	Đoàn Thiện	Ảnh	02/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.024	201A030249	Lê Trần Thiên	Ảnh	25/05/2002	Khánh Hòa		
25	VHU.TAB1.01.025	191A080220	Võ Thị Huệ	Ảnh	05/06/2001	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.026	211A050033	Hà	Bảo	09/03/2003	Bến Tre		
27	VHU.TAB1.01.027	201A070171	Huỳnh Ngọc	Bảo	10/08/2002	Khánh Hoà		
28	VHU.TAB1.01.028	201A080262	Lâm Gia	Bảo	15/04/2001	Quảng Ngãi		
29	VHU.TAB1.01.029	211A010233	Nguyễn Hoàng	Bắc	03/04/2003	Bình Định		
30	VHU.TAB1.01.030	211A270010	Nguyễn Thuý	Băng	29/03/2003	Bạc Liêu		
31	VHU.TAB1.01.031	211A030094	Trịnh Bạch Hiếu	Băng	16/08/2003	Bình Thuận		
32	VHU.TAB1.01.032	201A080240	Trương Thục	Băng	14/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.033	201A030678	Bùi Thị Như	Bình	13/02/2002	Hoà Bình		
34	VHU.TAB1.01.034	211A040213	Dương Thị Hoà	Bình	27/09/2003	Đà Nẵng		
35	VHU.TAB1.01.035	171A070131	Lê Khắc	Bình	05/09/1997	Bình Dương		
36	VHU.TAB1.01.036	221A030807	Nguyễn Thanh	Bình	13/04/2004	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.01.037	191A250056	Thái Lê Thị	Bình	04/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.038	211A290044	Đoàn Thị Hồng	Cầm	03/03/2003	Tiền Giang		
39	VHU.TAB1.01.039	211A031321	Võ Chí	Công	27/10/2003	Phú Yên		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.040	221A050494	Hồ Thị Ngọc	Chanh	11/06/2004	Ninh Thuận		
2	VHU.TAB1.01.041	221A290020	Lê Ngọc Thái	Châu	10/12/2004	Bạc Liêu		
3	VHU.TAB1.01.042	181A030444	Nguyễn Tất Vân	Châu	01/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.01.043	211A320014	Phạm Nguyễn Bảo	Châu	29/6/2003	Vĩnh Long		
5	VHU.TAB1.01.044	201A040074	Đoàn Thị Mỹ	Chi	17/10/2002	Long An		
6	VHU.TAB1.01.045	211A030058	Lê Hoàng Kim	Chi	09/11/2003	Gia Lai		
7	VHU.TAB1.01.046	201A010243	Tào Hồng Ngân	Chi	04/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.047	191A160097	Nguyễn Vũ	Chiến	05/08/2001	Gia Lai		
9	VHU.TAB1.01.048	201A050065	Đậu Đình	Chương	19/07/2002	Bình Phước		
10	VHU.TAB1.01.049	211A010106	Nguyễn Công	Danh	15/06/2003	Khánh Hoà		
11	VHU.TAB1.01.050	211A050212	Huỳnh Nguyễn Thuỳ	Dân	18/07/2003	Ninh Thuận		
12	VHU.TAB1.01.051	211A030818	Lý Ngọc	Diễm	04/02/2004	Sóc Trăng		
13	VHU.TAB1.01.052	211A031191	Hồ Thị Ngọc	Diễm	23/03/2003	Tiền Giang		
14	VHU.TAB1.01.053	213A030006	Lục Thị	Diễm	01/01/1991	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.01.054	211A270039	Nguyễn Thị	Diễm	17/10/2003	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.01.055	211A031338	Nguyễn Lê Hoàng	Diệu	11/03/2003	Bình Thuận		
17	VHU.TAB1.01.056	211A030354	Trần Thị	Diệu	28/01/2003	Ninh Thuận		
18	VHU.TAB1.01.057	211A050071	Lê Khánh	Dung	06/08/2003	Bến Tre		
19	VHU.TAB1.01.058	201A030247	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	04/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.059	211A080108	Nguyễn Thị Kiều	Dung	02/02/2003	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.01.060	211A230073	Vũ Mạnh	Dũng	14/02/2003	Đồng Nai		
22	VHU.TAB1.01.061	211A010164	Hồ Khánh	Duy	17/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.062	211A210045	Huỳnh Trần Khánh	Duy	07/04/2003	Đồng Nai		
24	VHU.TAB1.01.063	211A031103	Huỳnh Trọng	Duy	09/08/2003	Bạc Liêu		
25	VHU.TAB1.01.064	211A050190	Ngô Thị Tường	Duy	11/5/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.065	201A030069	Nguyễn Nhựt	Duy	15/06/2002	Đồng Tháp		
27	VHU.TAB1.01.066	201A030742	Nguyễn Văn	Duy	24/09/2002	Quảng Ngãi		
28	VHU.TAB1.01.067	211A210077	Dương Thị Mỹ	Duyên	06/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.068	171A080018	Hoàng Mỹ	Duyên	04/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.069	211A320026	Nguyễn Thị Hoàng	Duyên	04/04/2003	Long An		
31	VHU.TAB1.01.070	211A050009	Lê Thuỷ	Được	24/06/2003	Ninh Thuận		
32	VHU.TAB1.01.071	201A210058	Phan Thị Ánh	Dương	24/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.072	211A050330	Cao Thị Thuý	Đào	13/09/2003	Tiền Giang		
34	VHU.TAB1.01.073	161A080005	Trần Cẩm	Đào	08/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.01.074	211A050324	Huỳnh Quốc	Đạt	15/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
36	VHU.TAB1.01.075	211A030727	Lê Tấn	Đạt	17/12/2003	Quảng Ngãi		
37	VHU.TAB1.01.076	211A030528	Võ Quốc	Đạt	09/03/2003	Tiền Giang		
38	VHU.TAB1.01.077	211A080074	Trần Hải	Đăng	12/06/2003	Long An		
39	VHU.TAB1.01.078	201A070049	Diệp Lưu Khánh	Đoan	14/02/2002	Khánh Hoà		
40	VHU.TAB1.01.079	201A040016	Vũ Ngọc Khánh	Đoan	13/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.01.080	211A030088	Hoàng Thị Tuyết	Đông	24/12/2003	Gia Lai		
42	VHU.TAB1.01.081	191A010100	Lê Minh	Đông	25/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.01.082	201A100012	Lê Nguyễn Giảng	Đơn	20/08/2001	Long An		
44	VHU.TAB1.01.083	221A310203	Chu Minh	Đức	20/05/2004	Gia Lai		
45	VHU.TAB1.01.084	181A080330	Bùi Chí	Được	18/10/1999	Bạc Liêu		
46	VHU.TAB1.01.085	211A030413	Lê Thị Quỳnh	Giang	29/06/2003	Phú Yên		
47	VHU.TAB1.01.086	201A070036	Nguyễn Nam	Giang	20/06/2002	An Giang		
48	VHU.TAB1.01.087	211A030342	Nguyễn Thị Hà	Giang	24/11/2003	Đắk Lắk		
49	VHU.TAB1.01.088	211A030605	Phạm Trường	Giang	17/06/2003	Bến Tre		
50	VHU.TAB1.01.089	211A030929	Thái Quỳnh	Giang	19/07/2003	Bình Dương		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.090	191A080052	Trương Thị Khá	Giỏi	06/06/2000	Cần Thơ		
2	VHU.TAB1.01.091	191A030130	Lương Nhật Ngân	Hà	19/03/2001	Bình Thuận		
3	VHU.TAB1.01.092	211A210280	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Hạ	07/07/2003	Khánh Hoà		
4	VHU.TAB1.01.093	211A210336	Bùi Ngọc	Hải	20/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.01.094		Phạm Ngọc	Hải	01/01/1995	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.01.095	211A031371	Vũ Thị	Hải	15/02/2003	Đắk Lắk		
7	VHU.TAB1.01.096	241A211442	Lê Huỳnh Hân	Hạnh	23/10/2006	Long An		
8	VHU.TAB1.01.097	211A230078	Huỳnh Hiếu	Hào	21/12/2002	Long An		
9	VHU.TAB1.01.098	211A030443	Nguyễn Mạnh	Hào	28/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.099	211A010452	Nguyễn Nhựt	Hào	25/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.100	171A160096	Trần Mỹ	Hào	09/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.01.101	211A030672	Châu Hoàng	Hăng	04/11/2003	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.01.102	211A030382	Huỳnh Kim	Hăng	05/12/2003	Bến Tre		
14	VHU.TAB1.01.103	211A040063	Nguyễn Thị	Hăng	05/02/2003	Bình Phước		
15	VHU.TAB1.01.104	221A031106	Lê Thị Ngọc	Hân	16/03/2004	Tây Ninh		
16	VHU.TAB1.01.105	211A040177	Nguyễn Lê Duyên	Hân	10/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.106	211A030565	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/04/2003	Bến Tre		
18	VHU.TAB1.01.107	211A080192	Phạm Gia	Hân	22/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.108	211A080097	Phạm Ngọc	Hân	22/10/2003	Trà Vinh		
20	VHU.TAB1.01.109	201A030135	Phan Quỳnh Ngọc	Hân	28/08/2002	Ninh Thuận		
21	VHU.TAB1.01.110	221A040087	Trần Nguyễn Bảo	Hân	18/10/2004	Tiền Giang		
22	VHU.TAB1.01.111	181A080080	Nguyễn Dương Trung	Hậu	10/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.112	201A040015	Huỳnh Nguyễn Thanh	Hiền	12/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.113	201A050040	Nguyễn Trung	Hiếu	16/07/2002	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.01.114	211A030599	Nguyễn Văn	Hiếu	20/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.115	201A050136	Trần Trọng	Hiếu	01/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.01.116	221A030978	Phan Thị Thanh	Hoa	17/04/2004	Bình Định		
28	VHU.TAB1.01.117	211A030597	Trần Thị Lệ	Hoa	17/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.118	211A031092	Nguyễn Công	Hoan	12/04/2003	Bình Dương		
30	VHU.TAB1.01.119	201A030816	Đào Nguyễn	Hoàng	23/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.120	201A030731	Nguyễn Đăng Huy	Hoàng	18/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.121	201A030271	Phạm Huy	Hoàng	04/07/2002	Kon Tum		
33	VHU.TAB1.01.122	201A030167	Phan Thị Thu	Hoàng	26/12/2002	Gia Lai		
34	VHU.TAB1.01.123	246A100076	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/04/1990	Đồng Nai		
35	VHU.TAB1.01.124	201A030196	Phạm Thị Thu	Hồng	12/03/2002	Bình Phước		
36	VHU.TAB1.01.125		Phạm Quốc	Hùng	18/09/1991	Bình Thuận		
37	VHU.TAB1.01.126	191A030216	Bùi Gia	Huy	12/06/2001	Hải Dương		
38	VHU.TAB1.01.127	211A010264	Đặng Thề	Huy	03/12/2003	An Giang		
39	VHU.TAB1.01.128	211A010267	Đào Gia	Huy	23/11/2003	Khánh Hòa		
40	VHU.TAB1.01.129	221A210155	Lê Kiều	Huy	14/04/2004	Đồng Nai		
41	VHU.TAB1.01.130	201A010029	Lê Quốc	Huy	26/10/2002	Đồng Nai		
42	VHU.TAB1.01.131	221A010399	Nguyễn Huỳnh Quốc	Huy	09/04/2004	Long An		
43	VHU.TAB1.01.132	211A030379	Nguyễn Nguyên	Huy	13/07/2003	Khánh Hòa		
44	VHU.TAB1.01.133	201A080131	Nguyễn Phúc Vũ	Huy	15/10/2002	Bình Định		
45	VHU.TAB1.01.134	211A030402	Nguyễn Thành	Huy	07/07/2003	Phú Yên		
46	VHU.TAB1.01.135	201A050125	Thái Hiền	Huy	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.01.136	221A030847	Thái Lâm	Huy	13/11/2004	An Giang		
48	VHU.TAB1.01.137	221A360015	Trần Cảnh	Huy	06/04/2004	Đồng Tháp		
49	VHU.TAB1.01.138	221A290042	Trần Quốc	Huy	24/08/2004	Đắk Nông		
50	VHU.TAB1.01.139	201A030277	Trần Văn	Huy	18/07/2002	Hà Tĩnh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.140	201A070173	Ứng Chí	Huy	02/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.141	211A050253	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23/12/2003	Kiên Giang		
3	VHU.TAB1.01.142	211A030646	Trần Nhật	Huỳnh	23/01/2003	Kiên Giang		
4	VHU.TAB1.01.143	246A110003	Trần Nhi Diễm	Huỳnh	29/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.01.144	246A100126	Đặng Quốc	Hung	28/08/1998	Vĩnh Long		
6	VHU.TAB1.01.145	211A010154	Đỗ Tuấn	Hung	28/09/2003	Tiền Giang		
7	VHU.TAB1.01.146	201A010008	Trần Tấn	Hung	25/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.147	201A080347	Nguyễn Thị Kim	Hương	10/7/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.148	201A030253	Nguyễn Thị	Hường	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.149	221A030639	Phạm Trung	Kiên	16/09/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.01.150	211A030182	Bùi Tuấn	Kiệt	07/05/2003	Đồng Nai		
12	VHU.TAB1.01.151	201A010043	Đào Tuấn	Kiệt	12/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.152	201A010110	Lê Anh	Kiệt	29/01/2002	Bình Định		
14	VHU.TAB1.01.153	211A030216	Nguyễn Tuấn	Kiệt	06/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.154	211A030388	Nguyễn Văn	Kiệt	07/11/2003	Kiên Giang		
16	VHU.TAB1.01.155	191A250053	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	01/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.156	201A050038	Huỳnh Thiên	Kim	21/07/2002	Cà Mau		
18	VHU.TAB1.01.157	201A70131	Trương Hồng	Kỳ	18/04/2002	Long An		
19	VHU.TAB1.01.158	221A010817	Phạm Minh	Kha	27/07/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.01.159	211A031098	Quảng Trọng	Khải	06/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.01.160	211A290035	Lê Quốc	Khang	04/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.161	201A050027	Lê Vũ	Khang	19/10/2002	Cần Thơ		
23	VHU.TAB1.01.162	211A031337	Trần Di	Khang	21/02/2003	Trà Vinh		
24	VHU.TAB1.01.163	211A030545	Đoàn Duy	Khánh	30/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.164	211A030132	Nguyễn Ngọc	Khánh	15/12/2003	Hải Phòng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.165	191A070166	Phan Cao Xuân	Khánh	07/03/2000	Đắk Lắk		
27	VHU.TAB1.01.166	211A030624	Trần Thị Kim	Khánh	19/03/2003	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.01.167	211A030190	Võ Đăng	Khoa	01/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.168	181A030396	Lê Văn	Khôi	18/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.169	211A030020	Dương Thị Mỹ	Lan	23/09/2003	Tiền Giang		
31	VHU.TAB1.01.170	211A030122	Nguyễn Hoàng Trúc	Lan	28/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.171	211A031348	Nguyễn Ngọc	Lan	22/11/2003	Bến Tre		
33	VHU.TAB1.01.172	191A080012	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	18/02/2001	Kiên Giang		
34	VHU.TAB1.01.173	211A031048	Đặng Hoàng Gia	Lâm	24/03/2003	Kiên Giang		
35	VHU.TAB1.01.174	211A070104	Nguyễn Thanh	Lịch	10/7/2002	Đắk Lắk		
36	VHU.TAB1.01.175	211A031361	Đoàn Thị Mỹ	Linh	22/01/2003	Đồng Nai		
37	VHU.TAB1.01.176	211A080188	Lê Thị Mỹ	Linh	26/02/2003	Bình Phước		
38	VHU.TAB1.01.177	201A030328	Lê Thị Thảo	Linh	30/08/2001	Bình Định		
39	VHU.TAB1.01.178	211A040023	Lê Thị Thuý	Linh	23/04/2003	Bình Phước		
40	VHU.TAB1.01.179	211A080212	Lê Thị Trúc	Linh	01/12/2003	Tây Ninh		
41	VHU.TAB1.01.180	211A031239	Nguyễn Minh Trúc	Linh	08/10/2003	An Giang		
42	VHU.TAB1.01.181	171A110027	Nguyễn Ngọc Bảo	Linh	28/08/1983	Bình Dương		
43	VHU.TAB1.01.182	211A030407	Nguyễn Ngọc	Linh	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.01.183	211A030323	Nguyễn Thị Đoan	Linh	05/01/2003	Đồng Nai		
45	VHU.TAB1.01.184	201A030114	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	23/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.01.185	211A040031	Nguyễn Thị Trúc	Linh	05/07/2003	Bến Tre		
47	VHU.TAB1.01.186	211A070096	Nguyễn Thị Yến	Linh	30/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.187	191A210014	Nguyễn Trần Yến	Linh	22/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.01.188	191A030433	Phạm Hoài	Linh	02/09/2001	Tây Ninh		
50	VHU.TAB1.01.189	211A080042	Phạm Huỳnh Yến	Linh	11/08/2003	Vĩnh Long		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT05

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.190	181A030312	Trương Huy	Linh	18/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.191	211A031300	Võ Khánh	Linh	16/06/2003	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.01.192	181A070274	Lê Thị Bé	Loan	12/12/1999	Bạc Liêu		
4	VHU.TAB1.01.193	211A050307	Nguyễn Thị Thu	Loan	30/08/2003	Long An		
5	VHU.TAB1.01.194	211A031025	Phạm Thị	Loan	04/01/2003	Nam Định		
6	VHU.TAB1.01.195	191A010055	Huỳnh Kim	Long	04/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.196	201A030677	Lê Khắc	Long	16/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.197	221A080027	Tô Bảo	Long	17/08/2004	Cà Mau		
9	VHU.TAB1.01.198	211A070031	Vũ Hoàng Châu	Long	02/03/2003	Bình Phước		
10	VHU.TAB1.01.199	201A040107	Nguyễn Tấn	Lộc	08/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.200	211A010249	Nguyễn Lâm Minh	Lợi	18/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.01.201	201A010261	Nguyễn Thắng	Lợi	23/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.202	211A030728	Phan Thị Mỹ	Lợi	13/09/2003	Quảng Nam		
14	VHU.TAB1.01.203	211A040096	Trần Khánh	Ly	22/08/2003	Quảng Bình		
15	VHU.TAB1.01.204	171A070166	Trần Trà	Ly	06/09/1999	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.01.205	211A031059	Lê Thị Ngọc	Mai	16/03/2003	Bến Tre		
17	VHU.TAB1.01.206	211A080114	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	08/07/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
18	VHU.TAB1.01.207	201A040142	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.208	211A330012	Nguyễn Thanh	Mai	20/07/2003	Bình Thuận		
20	VHU.TAB1.01.209	181A030050	Nguyễn Thị A	Mai	30/05/2000	Vĩnh Long		
21	VHU.TAB1.01.210	181A030313	Nguyễn Thị Thanh	Mai	04/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.211	201A030497	Phan Thị Xuân	Mai	07/06/2002	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.01.212	211A050350	Phan Thị Ngọc	May	07/03/2003	Đắk Lắk		
24	VHU.TAB1.01.213	211A040202	Trần Thị	Mị	28/10/2003	Bình Thuận		
25	VHU.TAB1.01.214	211A320047	Lại Cao Ngọc	Minh	17/07/2003	Khánh Hoà		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.215	211A031170	Nguyễn Thị Thu	Minh	06/05/2003	Bình Dương		
27	VHU.TAB1.01.216	211A030677	Trần Nguyễn Quốc	Minh	24/10/2003	Ninh Thuận		
28	VHU.TAB1.01.217	201A110030	Trần Thị Quế	Minh	09/10/2002	Tiền Giang		
29	VHU.TAB1.01.218	211A040235	Cam Thị Nhu	Muội	23/10/2003	Sóc Trăng		
30	VHU.TAB1.01.219	191A230030	A	Mười	12/12/2001	Kon Tum		
31	VHU.TAB1.01.220	201A080373	Chiêm Ân Hoàng	My	01/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.221	211A031323	Huỳnh Trúc	My	14/04/2003	Quảng Ngãi		
33	VHU.TAB1.01.222	211A030490	Lê Thị Trà	My	24/11/2003	Gia Lai		
34	VHU.TAB1.01.223	211A031248	Lê Thị Trà	My	17/11/2003	Quảng Ngãi		
35	VHU.TAB1.01.224	211A031332	Lương Thị Quỳnh	My	20/01/2003	Lâm Đồng		
36	VHU.TAB1.01.225	211A040160	Nguyễn Ngọc Trà	My	07/08/2003	Quảng Ngãi		
37	VHU.TAB1.01.226	201A070207	Nguyễn Thị Ngọc	My	28/05/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.227	211A050274	Nguyễn Thị Trà	My	23/06/2003	Bình Phước		
39	VHU.TAB1.01.228	201A050151	Phạm Diệp Quỳnh	My	25/08/2001	Lâm Đồng		
40	VHU.TAB1.01.229	181A070246	Phan Thị Trà	My	21/06/2000	Quảng Nam		
41	VHU.TAB1.01.230	211A320059	Tô Trần Trang	My	25/12/2003	Tây Ninh		
42	VHU.TAB1.01.231	201A030730	Trương Thị Kiều	My	23/03/2002	Long An		
43	VHU.TAB1.01.232	181A110009	Tô Ngọc	Mỹ	09/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
44	VHU.TAB1.01.233	211A050287	Nguyễn Phạm Linh	Na	13/04/2003	Quảng Ngãi		
45	VHU.TAB1.01.234	221A030555	Lê Tấn	Nam	27/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.01.235	201A010014	Nguyễn Thành	Nam	29/09/2002	Khánh Hòa		
47	VHU.TAB1.01.236	211A230096	Nguyễn Trường	Nam	14/04/2003	Tây Ninh		
48	VHU.TAB1.01.237	211A050227	Võ Hoài	Nam	03/10/2003	Quảng Ngãi		
49	VHU.TAB1.01.238	201A330008	Vô Thành	Nam	30/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
50	VHU.TAB1.01.239	201A030091	Phạm Tiểu	Ni	20/08/2002	Bạc Liêu		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT06

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.240	211A030510	Thôi Xuân	Ni	19/12/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.01.241	211A040149	Bùi Thị Ngọc	Nga	08/06/2003	Long An		
3	VHU.TAB1.01.242	201A230050	Châu Thị Hằng	Nga	21/04/2002	Bình Thuận		
4	VHU.TAB1.01.243	211A040083	Đoàn Thị Thúy	Nga	08/03/2003	Đồng Nai		
5	VHU.TAB1.01.244	221A030460	Lưu Thị	Nga	02/02/2004	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.01.245	201A140139	Nhan Hồng	Nga	25/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.246	201A030133	Phạm Phương	Nga	08/01/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu		
8	VHU.TAB1.01.247	211A031122	Võ Thị Thu	Nga	07/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.248	211A030038	Chiêm Tuyết	Ngân	29/12/2003	An Giang		
10	VHU.TAB1.01.249	211A040168	Đặng Thị Kim	Ngân	15/01/2003	Tây ninh		
11	VHU.TAB1.01.250	211A320064	Đặng Thị Kim	Ngân	01/08/2003	Lâm Đồng		
12	VHU.TAB1.01.251	211A100070	Đỗ Thị Kim	Ngân	09/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.252	221A070201	Hồ Thị Tuyết	Ngân	23/01/2002	Đồng Nai		
14	VHU.TAB1.01.253	211A030990	Huỳnh Nguyễn Kim	Ngân	30/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.254	201A030060	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	31/01/2002	Bến Tre		
16	VHU.TAB1.01.255	211A031016	Lai Kim	Ngân	22/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.256	211A050160	Lê Thị Mỹ	Ngân	27/01/2003	Tiền Giang		
18	VHU.TAB1.01.257	201A030599	Lê Thị Như	Ngân	27/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.258	216A030009	Lê Thị Thanh	Ngân	23/09/1987	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.259	211A040176	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	15/10/2003	Ninh Thuận		
21	VHU.TAB1.01.260	201A230020	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	26/11/2002	Bình Dương		
22	VHU.TAB1.01.261	211A030652	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.262	211A070144	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	20/10/2003	Ninh Thuận		
24	VHU.TAB1.01.263	211A070080	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.264	201A080199	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	14/05/2002	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.265	211A040118	Nguyễn Tuyết	Ngân	02/10/2003	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.01.266	211A320074	Ninh Thị Kim	Ngân	29/06/2003	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.01.267	211A080285	Phạm Ngọc Kim	Ngân	20/10/2002	An Giang		
29	VHU.TAB1.01.268	201A050063	Phạm Phương	Ngân	10/07/2002	Tiền Giang		
30	VHU.TAB1.01.269	201A270022	Phạm Thị Thanh	Ngân	02/09/2002	Tiền Giang		
31	VHU.TAB1.01.270	201A030012	Phan Kim	Ngân	16/02/2002	Bến Tre		
32	VHU.TAB1.01.271	221A040571	Trần Thị Kim	Ngân	29/04/2003	Đồng Tháp		
33	VHU.TAB1.01.272	211A031489	Trần Thị Tuyết	Ngân	07/04/2003	Lâm Đồng		
34	VHU.TAB1.01.273	221A371138	Võ Thị Kim	Ngân	29/11/2002	Bến Tre		
35	VHU.TAB1.01.274	201A030466	Vũ Chúc	Ngân	15/03/2002	Cà Mau		
36	VHU.TAB1.01.275	211A030226	Vũ Thị Bích	Ngân	05/03/2003	Lâm Đồng		
37	VHU.TAB1.01.276	211A030244	Vũ Thị Kim	Ngân	20/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.01.277	236A030033	Vũ Thị Thanh	Ngân	12/3/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.278	181A210089	Chung Tuệ	Nghi	26/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.279	211A030297	Huỳnh Hoàng	Nghi	25/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.01.280	201A080060	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	25/06/2002	Bến Tre		
42	VHU.TAB1.01.281	211A300059	Ngô Văn	Nghị	22/08/2002	Kiên Giang		
43	VHU.TAB1.01.282	211A210002	Cháu Ngọc	Nghĩa	13/04/1997	Lâm Đồng		
44	VHU.TAB1.01.283	211A031042	Đặng Hữu	Nghĩa	24/05/2003	Đồng Tháp		
45	VHU.TAB1.01.284	201A080047	Lê Hiếu	Nghĩa	06/11/2002	Đồng Tháp		
46	VHU.TAB1.01.285	191A010064	Lê Trọng	Nghĩa	06/03/2001	Long An		
47	VHU.TAB1.01.286	211A310025	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1994	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.287	191A030275	Lê Trung	Nghĩa	27/05/2001	Tiền Giang		
49	VHU.TAB1.01.288	211A031047	Đỗ Kim Minh	Ngọc	05/07/2003	Hà Nội		
50	VHU.TAB1.01.289	221A070184	Hà Như	Ngọc	22/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT07

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.290	201A080098	Lâm Bảo	Ngọc	30/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.291	191A070005	Lê Bảo	Ngọc	25/01/2001	Bến Tre		
3	VHU.TAB1.01.292	201A030061	Lê Như	Ngọc	07/04/2002	Trà Vinh		
4	VHU.TAB1.01.293	211A050355	Lương Ánh	Ngọc	01/12/2003	Cà Mau		
5	VHU.TAB1.01.294	201A080052	Lý Kim	Ngọc	02/11/2002	Bạc Liêu		
6	VHU.TAB1.01.295	191A070007	Nguyễn Khánh	Ngọc	09/01/2001	Đồng Nai		
7	VHU.TAB1.01.296	211A050044	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	04/08/2003	An Giang		
8	VHU.TAB1.01.297	201A030669	Phan Huỳnh Hồng	Ngọc	12/10/2002	Bình Thuận		
9	VHU.TAB1.01.298	211A050354	Phan Thị Bích	Ngọc	11/10/2003	Bến Tre		
10	VHU.TAB1.01.299	201A030691	Trần Thị Thảo	Ngọc	18/6/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.300	211A030027	Trần Võ Kim	Ngọc	06/04/2003	Bến Tre		
12	VHU.TAB1.01.301	221A070240	Võ Hồng Bảo	Ngọc	02/01/2004	An Giang		
13	VHU.TAB1.01.302	211A030276	Võ Thị Bảo	Ngọc	01/08/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
14	VHU.TAB1.01.303	221A371023	Kiều Đức	Nguyên	22/10/2003	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.01.304	211A030450	Lê Chí	Nguyên	09/06/2003	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.01.305	201A080204	Nguyễn Bảo	Nguyên	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.306	201A210014	Nguyễn Hồng	Nguyên	16/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.01.307	211A010005	Nguyễn Phước	Nguyên	14/06/2003	An Giang		
19	VHU.TAB1.01.308	211A070115	Nguyễn Thị Tuyền	Nguyên	30/09/2003	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.01.309	246A100033	Nguyễn Thị Hoàng	Nguyệt	22/12/1977	Bình Định		
21	VHU.TAB1.01.310	201A070117	Nguyễn Quang	Nhân	01/05/2002	Đắk Lắk		
22	VHU.TAB1.01.311	201A070145	Nguyễn Thành	Nhân	24/10/2002	Tiền Giang		
23	VHU.TAB1.01.312	201A030492	Ngô Minh	Nhất	12/10/2002	Bình Định		
24	VHU.TAB1.01.313	221A320235	Nguyễn Lâm	Nhật	08/09/2004	Trà Vinh		
25	VHU.TAB1.01.314	201A010116	Phan Minh	Nhật	20/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.315	211A031200	Bùi Lê Quỳnh	Nhi	08/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.01.316	211A080102	Dương Thị Yến	Nhi	18/10/2003	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.01.317	211A040150	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	21/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.318	211A030702	Lê Trương Yến	Nhi	31/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.319	201A030054	Lương Thị Bình	Nhi	05/04/2002	An Giang		
31	VHU.TAB1.01.320	211A320130	Ngô Thị Ngọc	Nhi	30/07/2003	Kiên Giang		
32	VHU.TAB1.01.321	211A030220	Ngô Thị Tuyết	Nhi	24/11/2003	Long An		
33	VHU.TAB1.01.322	211A240056	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	21/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TAB1.01.323	211A040232	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nhi	01/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.01.324	211A330022	Nguyễn Ngọc Thiên	Nhi	04/12/2003	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.01.325	211A210235	Nguyễn Ngọc Tường	Nhi	19/05/2003	Quảng Nam		
37	VHU.TAB1.01.326	211A080157	Nguyễn Thị Ý	Nhi	07/06/2001	Kiên Giang		
38	VHU.TAB1.01.327	221A070118	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2004	Phú Yên		
39	VHU.TAB1.01.328	211A050370	Tô Bảo	Nhi	08/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.329	211A030854	Trần Mai Thảo	Nhi	02/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.01.330	246A100085	Trần Nguyễn Thiên	Nhi	12/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.01.331	201A210054	Trương Đặng Yến	Nhi	18/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.01.332	211A030656	Trương Huệ	Nhi	05/10/2003	Đồng Nai		
44	VHU.TAB1.01.333	201A030177	Trương Trần Thị Yến	Nhi	09/08/2002	Tiền Giang		
45	VHU.TAB1.01.334	211A031105	Vũ Phan Hoài	Nhi	09/04/2003	Quảng Ngãi		
46	VHU.TAB1.01.335	211A030275	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	23/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.01.336	211A070082	Lê Đặng Hồng	Nhung	17/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.337	211A040123	Lương Tuyết	Nhung	26/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.01.338	211A030406	Trần Phi	Nhung	24/02/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
50	VHU.TAB1.01.339	201A050062	Cao Hồng	Như	06/09/2002	Tiền Giang		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT08

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.340	211A031282	Dương Thị Huệ	Như	11/2/2003	Tây Ninh		
2	VHU.TAB1.01.341	161A080436	Huỳnh Ngô Phương	Như	22/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.342	211A080209	Mai Trương Tố	Như	07/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.01.343	211A070059	Nguyễn Thị Tố	Như	10/08/2003	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.01.344	201A030857	Phạm Huỳnh	Như	21/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.01.345	211A030100	Phan Tâm	Như	17/05/2003	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.01.346		Trương Quỳnh	Như	19/04/1997	Quảng Bình		
8	VHU.TAB1.01.347	201A080224	Văn Huỳnh	Như	11/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.348	181A010145	Phạm Minh	Nhật	16/08/2000	Sóc Trăng		
10	VHU.TAB1.01.349	211A040020	Trần Ngọc	Oanh	09/06/2003	Bình Định		
11	VHU.TAB1.01.350	201A030310	Trần Thị Ngọc	Oanh	08/05/2001	Quảng Nam		
12	VHU.TAB1.01.351	201A220009	Lê Việt	Phát	27/03/2002	Long An		
13	VHU.TAB1.01.352	201A010131	Lưu Thuận	Phát	13/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.353	201A030626	Võ Văn	Phát	19/09/2002	Cần Thơ		
15	VHU.TAB1.01.354	221A320005	Trần Khánh	Phong	26/04/2002	Cà Mau		
16	VHU.TAB1.01.355	201A090006	Chung Mỹ	Phúc	29/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.356	211A010100	Ngô Hoàng	Phúc	11/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.01.357	211A010033	Phan Huỳnh	Phúc	23/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.358	151A080025	Trần Minh	Phúc	30/11/1997	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.01.359	191A030154	Trần Thị Thanh	Phúc	04/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.01.360	211A040219	Hồ Thị Kim	Phụng	25/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.01.361	201A070211	Lê Kim	Phụng	21/08/2002	Đồng Tháp		
23	VHU.TAB1.01.362	191A030082	Lý Kim	Phụng	26/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.363	211A031456	Nguyễn Lan	Phụng	15/06/2003	Lâm Đồng		
25	VHU.TAB1.01.364	191A070117	Trần Huy	Phụng	06/02/2001	Long An		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.365	201A070186	Võ Văn	Phước	02/08/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu		
27	VHU.TAB1.01.366	211A030337	Đoàn Thị Ngọc	Phương	11/03/2003	Tiền Giang		
28	VHU.TAB1.01.367	201A030588	Hồ Đông	Phương	08/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.368	246A030017	Lê Ngọc	Phương	12/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.369	201A290022	Lê Ngọc	Phương	24/08/2002	Gia Lai		
31	VHU.TAB1.01.370	201A040094	Lê Nguyễn Nam	Phương	27/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
32	VHU.TAB1.01.371	211A310058	Ngô Thanh	Phương	01/01/2003	Đồng Nai		
33	VHU.TAB1.01.372	201A240027	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	20/01/2002	Bình Phước		
34	VHU.TAB1.01.373	191A040003	Nguyễn Thị Nhã	Phương	08/11/2000	Tây Ninh		
35	VHU.TAB1.01.374	211A030210	Nguyễn Thị Thanh	Phương	19/12/2003	Bắc Ninh		
36	VHU.TAB1.01.375	211A230125	Nguyễn Thị Thanh	Phương	02/02/2003	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.01.376	201A030207	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/06/2002	Bình Phước		
38	VHU.TAB1.01.377	201A070130	Nguyễn Y	Phương	16/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.378	191A010048	Tăng Diệp Diệu	Phương	28/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.379	201A020013	Trần Ngọc	Phương	03/09/2002	Lâm Đồng		
41	VHU.TAB1.01.380	211A031376	Trương Thị Kim	Phương	25/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.01.381	201A230082	Nguyễn Huỳnh Như	Phượng	21/11/2002	Ninh Thuận		
43	VHU.TAB1.01.382	211A140048	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	19/07/2003	Long An		
44	VHU.TAB1.01.383	211A050252	Nguyễn Thị	Phượng	17/12/2003	Ninh Bình		
45	VHU.TAB1.01.384	201A030420	Ngô Minh	Quang	28/01/2002	Tiền Giang		
46	VHU.TAB1.01.385	211A230071	Nguyễn Duy	Quang	26/05/2002	Quảng Ngãi		
47	VHU.TAB1.01.386	181A030080	Nguyễn Nhật	Quang	08/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.387	223A030017	Nguyễn Vinh	Quang	10/05/1999	Thành Phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.01.388	211A040198	Đỗ Minh	Quân	27/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
50	VHU.TAB1.01.389	201A080349	Phạm Đình	Quý	29/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....

Số thí sinh dự kiểm tra:.....

Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT09

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.390	201A010032	Nguyễn Hồ Anh	Quốc	04/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.391	211A290010	Nguyễn Thái	Quốc	16/11/2003	Bình Định		
3	VHU.TAB1.01.392	211A030350	Phan Ngọc	Quý	25/01/2003	Đắk Lắk		
4	VHU.TAB1.01.393	211A030868	Văn Trọng	Quý	04/07/2003	Bến Tre		
5	VHU.TAB1.01.394	161A030244	Lê Thị Mỹ	Quyên	18/03/1998	Đắk Lắk		
6	VHU.TAB1.01.395	201A330022	Lê Thị Mỹ	Quyên	31/10/2002	Tiền Giang		
7	VHU.TAB1.01.396	211A270046	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	21/11/2003	Đồng Tháp		
8	VHU.TAB1.01.397	201A230067	Thân Nữ Nhật	Quyên	21/10/2001	Đắk Lắk		
9	VHU.TAB1.01.398	201A230079	Trần Thị Mỹ	Quyên	15/05/2002	Tây Ninh		
10	VHU.TAB1.01.399	211A030039	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	24/01/2002	Long An		
11	VHU.TAB1.01.400	211A030051	Phạm Tấn	Quyên	10/05/2003	Quảng Ngãi		
12	VHU.TAB1.01.401	221A370836	Bùi Thị Diễm	Quỳnh	24/04/2003	Phú Yên		
13	VHU.TAB1.01.402	201A230051	Dương Thị Tuyết	Quỳnh	07/05/2002	Quảng Trị		
14	VHU.TAB1.01.403	211A031071	Phạm Nguyễn Nhật	Quỳnh	12/11/2003	Quảng Ngãi		
15	VHU.TAB1.01.404	191A030462	Trần Thị Như	Quỳnh	16/12/2001	An Giang		
16	VHU.TAB1.01.405	211A050089	Trần Thị Như	Quỳnh	22/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.406	211A230044	Lê Đức	Sang	20/10/2003	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.01.407	201A230016	Trần Thế	Sang	12/03/2001	Bình Thuận		
19	VHU.TAB1.01.408	211A010145	Nguyễn Trường	Sơn	05/12/2003	Gia Lai		
20	VHU.TAB1.01.409	211A010265	Phạm Thế	Sơn	04/10/2003	Tây Ninh		
21	VHU.TAB1.01.410	201A030543	Phan Văn	Sơn	23/04/2002	Thừa Thiên Huế		
22	VHU.TAB1.01.411	201A010115	Trần Nguyễn Thanh	Sơn	22/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.412	191A070190	Nguyễn Đăng	Tài	17/08/1994	Đồng Tháp		
24	VHU.TAB1.01.413	191A070151	Trần Nguyễn Tấn	Tài	08/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.414	201A030227	Võ Ngọc Anh	Tài	18/07/2002	Đồng Nai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.415	211A040245	Hồ Thị Mai	Tâm	23/06/2003	Tây Ninh		
27	VHU.TAB1.01.416	211A030371	Lê Thanh	Tâm	02/04/2003	Bình Phước		
28	VHU.TAB1.01.417	215A030005	Lê Thành	Tâm	10/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.418	181A080428	Nguyễn Huệ	Tâm	21/03/1999	Đồng Tháp		
30	VHU.TAB1.01.419	211A030166	Nguyễn Mỹ	Tâm	14/11/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.420	211A050241	Phạm Võ Duy	Tân	15/10/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		
32	VHU.TAB1.01.421	201A030149	Lê Đồng	Tấn	05/08/2001	Đắk Lắk		
33	VHU.TAB1.01.422	221A371202	Hồ Thị Mỹ	Tiên	07/03/2004	Kiên Giang		
34	VHU.TAB1.01.423	201A030488	Hồ Thị Mỹ	Tiên	01/07/2002	Đồng Tháp		
35	VHU.TAB1.01.424	201A290001	Ngô Đình	Tiên	02/02/1998	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.01.425	211A050202	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiên	24/09/2003	Bình Thuận		
37	VHU.TAB1.01.426	201A030130	Nguyễn Triều	Tiên	22/05/2002	Tây Ninh		
38	VHU.TAB1.01.427	211A040214	Nguyễn Thị Kim	Tiền	22/03/2003	Tây Ninh		
39	VHU.TAB1.01.428	201A050128	Lê Nguyễn Trường	Tiến	07/09/2002	Bến Tre		
40	VHU.TAB1.01.429	201A030428	Ngô Quang	Tiến	23/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.01.430	211A230040	Lê Minh	Tín	10/8/2003	Kiên Giang		
42	VHU.TAB1.01.431	191A080106	Nguyễn Chánh	Tín	28/07/2001	Long An		
43	VHU.TAB1.01.432	201A240007	Nguyễn Thị Hồng	Tinh	19/05/2002	Gia Lai		
44	VHU.TAB1.01.433	211A070003	Nguyễn Như Anh	Tú	30/10/2003	Ninh Thuận		
45	VHU.TAB1.01.434	211A050036	Võ Ngọc Cẩm	Tú	03/09/2003	Phú Yên		
46	VHU.TAB1.01.435	211A031298	Lê Hoàng	Tuấn	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.01.436	241A230205	Nguyễn Hoàng	Tuấn	20/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.437	201A010079	Nguyễn Trọng	Tuấn	09/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.01.438	211A010413	Phạm Nhật	Tuấn	19/02/2003	Quảng Nam		
50	VHU.TAB1.01.439	211A030968	Trần Duy	Tuấn	06/04/2003	Đồng Nai		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
 Số thí sinh dự kiểm tra:.....
 Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT10

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.440	201A010219	Trần Quốc	Tuấn	25/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.01.441	211A031344	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	02/05/2003	Bình Định		
3	VHU.TAB1.01.442	211A050170	Nguyễn Thanh	Tuyền	15/08/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.01.443	211A030850	Tạ Thị Thanh	Tuyền	28/07/2003	Bình Phước		
5	VHU.TAB1.01.444	201A050035	Trần Thị Thanh	Tuyền	20/02/2002	Tiền Giang		
6	VHU.TAB1.01.445	181A010039	Hà Khang	Thạch	10/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.446	211A210226	Phan Minh	Thái	15/12/2002	Bạc Liêu		
8	VHU.TAB1.01.447	201A070197	Mai Văn	Thành	24/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.01.448	201A050171	Nguyễn Dương Ngọc	Thanh	23/06/2002	Bến Tre		
10	VHU.TAB1.01.449	211A031549	Nguyễn Hoàng Thanh	Thanh	09/11/1995	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.01.450	211A230206	Nguyễn Ngọc	Thanh	10/1/2003	Quảng Ngãi		
12	VHU.TAB1.01.451	201A210049	Nguyễn Vũ Phương	Thanh	10/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.452	201A210092	Nguyễn Quốc	Thành	02/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.453		Tổng Mỹ	Thanh	01/11/1967	Vĩnh Long		
15	VHU.TAB1.01.454	201A030801	Bùi Ngọc	Thảo	06/02/2002	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.01.455	211A270040	Bùi Thị Phương	Thảo	25/07/2003	Long An		
17	VHU.TAB1.01.456	211A230146	Huỳnh Thị Anh	Thảo	16/04/2003	Ninh Thuận		
18	VHU.TAB1.01.457	201A030427	Nguyễn Thanh	Thảo	21/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.01.458	211A031005	Phạm Nguyễn Thanh	Thảo	23/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
20	VHU.TAB1.01.459	211A170043	Phạm Thị Thanh	Thảo	24/02/2003	Long An		
21	VHU.TAB1.01.460	211A050266	Quách Thùy Phương	Thảo	03/04/2003	Đắk Nông		
22	VHU.TAB1.01.461	211A031096	Trần Thị Phương	Thảo	10/01/2003	Lâm Đồng		
23	VHU.TAB1.01.462	211A140426	Trần Thị Thanh	Thảo	05/05/2003	Tây Ninh		
24	VHU.TAB1.01.463	201A030145	Võ Thị Thanh	Thảo	29/08/2002	Phú Yên		
25	VHU.TAB1.01.464	211A031514	Đỗ Thị Hồng	Thắm	06/04/2003	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.465	211A031015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	02/01/2003	Long An		
27	VHU.TAB1.01.466	211A050320	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	18/11/2003	Tây Ninh		
28	VHU.TAB1.01.467	191A010116	Nguyễn Vũ Quốc	Thắng	15/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.468	191A080006	Thang Vĩnh	Thắng	13/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.01.469	191A110010	Trịnh Quyết	Thắng	06/05/2001	Tây Ninh		
31	VHU.TAB1.01.470	161A070233	Võ Hồng	Thiên	01/05/1998	Quảng Nam		
32	VHU.TAB1.01.471	211A030957	Huỳnh Phúc	Thịnh	09/10/2003	Cà Mau		
33	VHU.TAB1.01.472	201A030150	Nguyễn Phước	Thịnh	19/12/2002	Bến Tre		
34	VHU.TAB1.01.473	201A050160	Vũ Duy	Thịnh	30/09/2002	Đắk Lắk		
35	VHU.TAB1.01.474	211A030830	Nguyễn Lê Hữu	Thọ	24/11/2003	Quảng Ngãi		
36	VHU.TAB1.01.475	211A050332	Bùi Thị Kim	Thoa	10/5/2002	Long An		
37	VHU.TAB1.01.476	211A320120	Phan Thị Kim	Thoa	29/07/2003	Khánh Hoà		
38	VHU.TAB1.01.477	201A010122	Đặng Triệu	Thông	01/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.01.478	201A030519	Huỳnh Hoàng	Thông	07/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.01.479	211A031358	Nguyễn Minh	Thông	30/11/2003	Đồng Nai		
41	VHU.TAB1.01.480	211A031052	Nguyễn Thái Uyên	Thu	03/08/2003	Bình Thuận		
42	VHU.TAB1.01.481	211A050211	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	25/10/2003	Tiền Giang		
43	VHU.TAB1.01.482	201A030047	Nguyễn Thụy Yến	Thu	15/12/2002	Đồng Nai		
44	VHU.TAB1.01.483	211A040201	Trần Thị Thảo	Thu	23/05/2003	Quảng Ngãi		
45	VHU.TAB1.01.484	181A030229	Phạm Duy	Thuần	28/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.01.485	201A010044	Châu Văn	Thuận	25/11/2002	Cà Mau		
47	VHU.TAB1.01.486	191A010056	Huỳnh Nam	Thuận	10/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
48	VHU.TAB1.01.487	211A030639	Biện Thị Kim	Thuy	06/10/2002	Bạc Liêu		
49	VHU.TAB1.01.488	201A170201	Trần Thị Ngọc	Thuy	03/10/2002	Bình Thuận		
50	VHU.TAB1.01.489	201A080401	Nguyễn Thị Thu	Thủy	19/12/2002	Lâm Đồng		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT11

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.490	211A040255	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	27/11/2003	Phú Yên		
2	VHU.TAB1.01.491	211A030746	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	11/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.01.492	183A030027	Lưu Hoàng	Thuy	22/02/1989	An Giang		
4	VHU.TAB1.01.493	246A100075	Đoàn Ngọc Anh	Thư	18/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.01.494	211A330029	Lê Hoàng Anh	Thư	11/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.01.495	181A030677	Lê Ngọc Minh	Thư	19/11/2000	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.01.496	211A031127	Lê Thị Thanh	Thư	16/04/2003	Bình Thuận		
8	VHU.TAB1.01.497	201A030590	Ngô Phạm Nhật	Thư	17/12/2002	Quảng Nam		
9	VHU.TAB1.01.498	211A030424	Nguyễn Anh	Thư	09/10/2003	Bến Tre		
10	VHU.TAB1.01.499	201A080066	Nguyễn Anh	Thư	18/03/2002	Bến Tre		
11	VHU.TAB1.01.500	211A030761	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	10/06/2003	Bình Thuận		
12	VHU.TAB1.01.501	211A030600	Nguyễn Minh	Thư	13/03/2001	Thành Phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.502	201A050020	Nguyễn Ngọc Hoàng	Thư	23/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.503	201A030062	Nguyễn Thị Anh	Thư	19/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.01.504	181A230005	Nguyễn Thị	Thư	04/02/2000	Quảng Ngãi		
16	VHU.TAB1.01.505	211A320073	Phạm Minh	Thư	24/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.01.506	211A030609	Trần Thị Hiếu	Thư	29/03/2003	Đắk Lắk		
18	VHU.TAB1.01.507	201A080287	Trần Thị Minh	Thư	02/04/2002	An Giang		
19	VHU.TAB1.01.508	211A031281	Trần Thị Minh	Thư	13/03/2003	Bến Tre		
20	VHU.TAB1.01.509	211A031171	Trương Ngọc Minh	Thư	26/09/2003	Tiền Giang		
21	VHU.TAB1.01.510	211A040247	Nguyễn Thị Út	Thương	18/10/2003	Lâm Đồng		
22	VHU.TAB1.01.511	211A030324	Nguyễn Thị Yến	Thương	30/06/2003	Ninh Thuận		
23	VHU.TAB1.01.512	201A030493	Nguyễn Quốc Huyền	Thy	27/11/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.01.513	201A030426	Nguyễn Trần Mai	Thy	04/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TAB1.01.514	211A070077	Nguyễn Thanh	Trà	15/02/2003	Phú Yên		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.515	211A210014	Dương Thị Thùy	Trang	22/10/2003	Long An		
27	VHU.TAB1.01.516	211A031066	Lê Thị Đoan	Trang	07/09/2003	Bình Thuận		
28	VHU.TAB1.01.517	201A160069	Lê Thị Thùy	Trang	27/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.01.518	211A310065	Lê Thị	Trang	11/01/2003	Đắk Lắk		
30	VHU.TAB1.01.519	221A370259	Nguyễn Hoàng Thiên	Trang	10/08/2004	Bến Tre		
31	VHU.TAB1.01.520	211A030959	Nguyễn Ngọc	Trang	01/09/2003	Vĩnh Long		
32	VHU.TAB1.01.521	201A110014	Nguyễn Thu	Trang	24/03/2002	Tiền Giang		
33	VHU.TAB1.01.522	211A050016	Tạ Nữ Quỳnh	Trang	08/07/2003	Khánh Hoà		
34	VHU.TAB1.01.523	201A210047	Tạ Thị Ngọc	Trang	19/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.01.524	211A030201	Trần Hoàng Thu	Trang	09/05/2003	Long An		
36	VHU.TAB1.01.525	211A030378	Trần Quỳnh Đoan	Trang	19/06/2003	Bình Phước		
37	VHU.TAB1.01.526	211A050183	Trần Thái	Trăm	11/08/2003	Cà Mau		
38	VHU.TAB1.01.527	211A030447	Đoàn Thị Bích	Trâm	18/05/2003	Campuchia		
39	VHU.TAB1.01.528	211A030175	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Trâm	29/01/2003	Quảng Ngãi		
40	VHU.TAB1.01.529	211A030473	Lê Hoàng Tuyết	Trâm	29/05/2003	Bến Tre		
41	VHU.TAB1.01.530	211A030130	Lê Nguyễn Bảo	Trâm	29/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.01.531	211A270048	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	09/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.01.532	211A030851	Nguyễn Lý Thu	Trâm	26/02/2003	Ninh Thuận		
44	VHU.TAB1.01.533	211A030641	Nguyễn Thị Mai	Trâm	15/02/2003	Ninh Thuận		
45	VHU.TAB1.01.534	211A050356	Thái Mỹ	Trâm	20/03/2003	Bình Phước		
46	VHU.TAB1.01.535	211A030718	Trang Ngọc	Trâm	03/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
47	VHU.TAB1.01.536	211A030317	Nguyễn Ái Ngọc	Trân	16/01/2003	Tây Ninh		
48	VHU.TAB1.01.537	211A100020	Nguyễn Quỳnh	Trân	13/02/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
49	VHU.TAB1.01.538	211A160030	Nguyễn Thị Huyền	Trân	12/02/2002	Tiền Giang		
50	VHU.TAB1.01.539	201A320004	Thái Mai Bảo	Trân	29/10/2002	Bến Tre		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT12

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.540	221A290045	Lê Minh	Trí	04/05/2001	Vĩnh Long		
2	VHU.TAB1.01.541	211A050130	Nguyễn Minh	Trí	13/10/2003	Bình Thuận		
3	VHU.TAB1.01.542	181A010078	Trần Minh	Trí	19/05/2000	Bến Tre		
4	VHU.TAB1.01.543	211A030754	Trần Văn	Trí	25/08/2003	Khánh Hoà		
5	VHU.TAB1.01.544	201A230064	Lâm Quốc	Triệu	18/11/2002	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.01.545	211A050296	Bùi Ngọc Phương	Trình	16/06/2003	Phú Yên		
7	VHU.TAB1.01.546	211A050073	Đào Nguyễn Diễm	Trình	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.01.547	201A050060	Lê Thị Kiều	Trình	06/05/2002	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.01.548	181A030265	Trần Ngọc Phương	Trình	25/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.549	201A290013	Trương Nhuệ	Trình	14/2/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.01.550	211A031379	Đặng Văn	Tròn	05/09/2003	Bình Thuận		
12	VHU.TAB1.01.551	201A080110	Nguyễn Quốc	Trọng	24/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.01.552	201A050127	Lê Ngọc Thanh	Trúc	16/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.01.553	221A310264	Ngô Thị Thanh	Trúc	13/04/2004	Tiền Giang		
15	VHU.TAB1.01.554	211A030662	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	27/07/2003	Ninh Thuận		
16	VHU.TAB1.01.555	201A080268	Trần Hà Thanh	Trúc	12/12/2002	Tiền Giang		
17	VHU.TAB1.01.556	211A031049	Nguyễn Bình	Trung	18/11/2003	Bình Thuận		
18	VHU.TAB1.01.557	201A010065	Nguyễn Bùi Hiếu	Trung	28/03/2002	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.01.558	211A010125	Nguyễn Thế	Truyền	23/09/2002	Quảng Ngãi		
20	VHU.TAB1.01.559	211A010052	Ngô Trung	Trực	27/09/2003	Tiền Giang		
21	VHU.TAB1.01.560	211A080121	Bùi Nhật	Trưởng	13/04/2003	Tây Ninh		
22	VHU.TAB1.01.561	211A031054	Nguyễn Quang	Trưởng	07/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.01.562	201A030299	Trần Văn	Trưởng	26/09/2002	Nam Định		
24	VHU.TAB1.01.563	201A080137	Hạ Nguyễn Kim	Uyên	27/05/2002	An Giang		
25	VHU.TAB1.01.564	211A210199	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	14/06/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.565	201A210025	Tôn Nữ Thu	Uyên	12/11/2002	Lâm Đồng		
27	VHU.TAB1.01.566	211A030007	Trần Thảo	Uyên	30/10/2002	Đắk Lắk		
28	VHU.TAB1.01.567	211A030742	Võ Huỳnh Phương	Uyên	11/06/2003	An Giang		
29	VHU.TAB1.01.568	211A030200	Lê Thu	Uyển	17/09/2003	Ninh Thuận		
30	VHU.TAB1.01.569	191A010160	Lê Đình	Văn	28/04/2001	Thanh Hoá		
31	VHU.TAB1.01.570	221A290009	Nguyễn Đình	Văn	07/01/2002	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.01.571	201A080097	Phùng Lạc	Văn	24/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.572	211A030827	Đào Thị Thúy	Vân	05/01/2003	Bình Phước		
34	VHU.TAB1.01.573	211A230240	Nguyễn Thị Thảo	Vân	25/02/2003	Bình Định		
35	VHU.TAB1.01.574	246A100070	Nguyễn Thị Thúy	Vân	10/08/1991	Quảng Nam		
36	VHU.TAB1.01.575	221A210415	Phan Thị Bích	Vân	08/01/2004	Long An		
37	VHU.TAB1.01.576	211A030327	Trần Thị Thảo	Vân	22/02/2003	Bình Phước		
38	VHU.TAB1.01.577	211A030040	Đặng Tường	Vi	29/08/2003	Bạc Liêu		
39	VHU.TAB1.01.578	211A070090	Lữ Hoàng Bảo	Vi	25/10/2003	Bình Dương		
40	VHU.TAB1.01.579	211A031479	Nguyễn Tường	Vi	13/03/2003	Kiên Giang		
41	VHU.TAB1.01.580	191A080174	Võ Thị Hồng	Vi	13/05/2001	Đắk Lắk		
42	VHU.TAB1.01.581	211A010243	Huỳnh Văn	Viễn	15/08/2002	Bạc Liêu		
43	VHU.TAB1.01.582	201A010004	Đỗ Thế	Việt	09/04/2001	Kiên Giang		
44	VHU.TAB1.01.583	201A040013	Lâm Quốc	Việt	20/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
45	VHU.TAB1.01.584	211A030477	Thiều Quốc	Việt	21/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
46	VHU.TAB1.01.585	211A050065	Chương Quốc	Vinh	11/12/2002	Long An		
47	VHU.TAB1.01.586		Đào Quang Đông	Vinh	24/03/1997	Bình Dương		
48	VHU.TAB1.01.587	201A080348	Lê Hữu	Vinh	03/02/2002	Bến Tre		
49	VHU.TAB1.01.588	211A080214	Lê Phước	Vinh	18/07/2003	Đồng Tháp		
50	VHU.TAB1.01.589	201A080388	Lý Tiến	Vinh	23/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025**

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 23/3/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT13

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 8:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.01.590	201A050033	Nguyễn Huỳnh Thái	Vinh	21/02/2002	An Giang		
2	VHU.TAB1.01.591	211A230214	Phùng Tấn	Vinh	03/02/2003	Bình Định		
3	VHU.TAB1.01.592	211A050032	Phù Tềng	Vũ	12/11/2003	Kiên Giang		
4	VHU.TAB1.01.593	211A050215	Bùi Thế	Vương	17/09/2003	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.01.594	211A050258	Bùi Phan Thúy	Vy	25/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
6	VHU.TAB1.01.595	211A040265	Bùi Thị Yến	Vy	30/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.01.596	211A080041	Lê Phương	Vy	10/11/2003	Cần Thơ		
8	VHU.TAB1.01.597	201A330018	Lý Thị Ái	Vy	24/08/2002	Sóc Trăng		
9	VHU.TAB1.01.598	211A040225	Nguyễn Lan	Vy	24/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.01.599	201A030614	Nguyễn Thị Nhựt	Vy	26/08/2001	Đồng Nai		
11	VHU.TAB1.01.600	201A010023	Nguyễn Thị Trường	Vy	25/05/2002	Bến Tre		
12	VHU.TAB1.01.601	201A070085	Nguyễn Triệu Yến	Vy	03/09/2001	Kiên Giang		
13	VHU.TAB1.01.602	211A030762	Phạm An Thuý	Vy	16/11/2003	Bến Tre		
14	VHU.TAB1.01.603	201A080012	Phạm Hoàng Thảo	Vy	13/08/2002	Gia Lai		
15	VHU.TAB1.01.604	181A030785	Phan Ngọc Tường	Vy	22/08/1998	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.01.605	211A230179	Trần Thị Yến	Vy	23/04/2003	Ninh Thuận		
17	VHU.TAB1.01.606	211A210335	Trần Tường	Vy	02/08/2003	Đồng Nai		
18	VHU.TAB1.01.607	211A080090	Trương Thị Yến	Vy	17/06/2003	Đắk Lắk		
19	VHU.TAB1.01.608	211A040037	Phạm Thị Mỹ	Xòn	24/09/2003	Sóc Trăng		
20	VHU.TAB1.01.609	211A100058	Huỳnh Thị Mai	Xuân	24/02/2001	Quảng Ngãi		
21	VHU.TAB1.01.610	211A031051	Nguyễn Lê Yến	Xuân	09/06/2003	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.01.611	211A030232	Phan Thị Thanh	Xuân	17/01/2003	Bình Thuận		
23	VHU.TAB1.01.612	211A270045	Võ Tú	Xuyên	23/07/2003	Long An		
24	VHU.TAB1.01.613	201A050028	Lưu Hồng	Xuyến	14/11/2002	Trà Vinh		
25	VHU.TAB1.01.614	211A100082	Trần Hồng	Y	01/09/2003	Bình Thuận		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
26	VHU.TAB1.01.615	201A080124	Đỗ Kinh	Ý	20/07/2002	Sóc Trăng		
27	VHU.TAB1.01.616	211A030546	Lê Như	Ý	03/01/2003	Cà Mau		
28	VHU.TAB1.01.617	211A050229	Nguyễn Thị Như	Ý	27/07/2003	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.01.618	211A040179	Nguyễn Thị Như	Ý	20/08/2003	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.01.619	211A330007	Võ Như	Ý	29/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TAB1.01.620	211A360027	Huỳnh Thị Kim	Yến	05/07/2003	Quảng Ngãi		
32	VHU.TAB1.01.621	211A031035	Nguyễn Hải	Yến	28/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
33	VHU.TAB1.01.622	211A030745	Nguyễn Thị Bảo	Yến	20/01/2003	Long An		
34	VHU.TAB1.01.623	211A031129	Nguyễn Thị Hồng	Yến	03/10/2003	Long An		
35	VHU.TAB1.01.624	211A031073	Phạm Hồng Bảo	Yến	30/05/2003	Tiền Giang		
36	VHU.TAB1.01.625	211A080056	Phan Thị Hồng	Yến	09/08/2003	Tây Ninh		
37	VHU.TAB1.01.626	211A360015	Trần Thị	Yến	17/09/2003	Gia Lai		
38	VHU.TAB1.01.627	211A030899	Trương Nguyễn Hoàng	Yến	18/03/2002	Hải Phòng		
39	VHU.TAB1.01.628	211A040135	Trương Thị Bảo	Yến	05/04/2003	Tây Ninh		
40	VHU.TAB1.01.629	216A070015	Trần Duy	Ngọc	21/04/1994	Bến Tre		
41	VHU.TAB1.01.630	206A070024	Nguyễn Hoàng	Quân	06/05/1989	Hải Phòng		
42	VHU.TAB1.01.631	216A070029	Nguyễn Thị	Thúy	01/10/1988	Thái Bình		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết